Số: 914/QĐ-CĐLC
Thời gian ký: 2026-08-05T14:27:23+07:00

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÈN LUYỆN TOÀN KHOÁ HỌC 2024-2026

(Kèm theo Quyết định số 914 /QĐ-CĐLC ngày 05/8 /2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lào Cai)

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Năm học 2024-2025		Năm học 2025-2026		Kết quả rèn luyện toàn khoá học		Ghi chú
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
	Lớp Trung cấp Chăn nuôi thú y K24.8: 29 học sinh										
1	1	TC.CNY.K24.8	2456201190002	Giàng Thị Bầu	87	Tốt	84	Tốt	86	Tốt	
2	2	TC.CNY.K24.8	2456201190003	Giàng A Bình	87	Tốt	79	Khá	83	Tốt	
3	3	TC.CNY.K24.8	2456201190007	Giàng Thị Dế	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
4	4	TC.CNY.K24.8	2456201190008	Thào Thanh Duyên	87	Tốt	78	Khá	83	Tốt	
5	5	TC.CNY.K24.8	2456201190009	Cư Thị Duyên	87	Tốt	79	Khá	83	Tốt	
6	6	TC.CNY.K24.8	2456201190012	Giàng A Hải	87	Tốt	86	Tốt	87	Tốt	
7	7	TC.CNY.K24.8	2456201190014	Sùng Thanh Hòa	77	Khá	81	Tốt	79	Khá	
8	8	TC.CNY.K24.8	2456201190015	Cư Seo Hùng	82	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
9	9	TC.CNY.K24.8	2456201190016	Lùng Văn Huy	84	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
10	10	TC.CNY.K24.8	2456201190018	Giàng Thị Ly	87	Tốt	82	Tốt	85	Tốt	
11	11	TC.CNY.K24.8	2456201190019	Giàng Thị Ly	85	Tốt	91	Xuất sắc	88	Tốt	
12	12	TC.CNY.K24.8	2456201190021	Vừ Thị Mùa	85	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
13	13	TC.CNY.K24.8	2456201190022	Giàng A Ngọc	85	Tốt	78	Khá	82	Tốt	
14	14	TC.CNY.K24.8	2456201190024	Giàng A Phòng	87	Tốt	82	Tốt	85	Tốt	
15	15	TC.CNY.K24.8	2456201190026	Thào A Phúc	74	Khá	85	Tốt	80	Tốt	
16	16	TC.CNY.K24.8	2456201190025	Ly A Phừ	86	Tốt	79	Khá	83	Tốt	
17	17	TC.CNY.K24.8	2456201190027	Giàng Thị Thu Phương	76	Khá	88	Tốt	82	Tốt	
18	18	TC.CNY.K24.8	2456201190029	Ly Thị Ngọc Phương	88	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
19	19	TC.CNY.K24.8	2456201190030	Giàng A Quáng	86	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
20	20	TC.CNY.K24.8	2456201190032	Giàng Thiên Sơn	87	Tốt	82	Tốt	85	Tốt	
21	21	TC.CNY.K24.8	2456201190033	Vàng Thị Sua	85	Tốt	90	Xuất sắc	88	Tốt	
22	22	TC.CNY.K24.8	2456201190034	Sùng Thị Súng	96	Xuất sắc	90	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
23	23	TC.CNY.K24.8	2456201190037	Ly Xuân Thành	85	Tốt	75	Khá	80	Tốt	
24	24	TC.CNY.K24.8	2456201190035	Giàng A Thắng	79	Khá	80	Tốt	80	Tốt	
25	25	TC.CNY.K24.8	2456201190038	Thào A Văn	79	Khá	70	Khá	75	Khá	
26	26	TC.CNY.K24.8	2456201190039	Tháng Xuân Vinh	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
27	27	TC.CNY.K24.8	2456201190040	Giàng Thị Xua	79	Khá	88	Tốt	84	Tốt	
28	28	TC.CNY.K24.8	2456201190041	Ly Seo Xuân	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
29	29	TC.CNY.K24.8	2456201190042	Giàng A Xuyên	85	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
	Lớp Trung cấp Nông nghiệp công nghệ cao K24.8: 35 học sinh										
30	1	TC.NCC.K24.8	2456201310001	Ma Seo An	75	Khá	88	Tốt	82	Tốt	
31	2	TC.NCC.K24.8	2456201310003	Hoàng Thị Cá	82	Tốt	88	Tốt	85	Tốt	
32	3	TC.NCC.K24.8	2456201310005	Ma Seo Cấu	76	Khá	88	Tốt	82	Tốt	
33	4	TC.NCC.K24.8	2456201310006	Thào Hạnh Chi	90	Xuất sắc	89	Tốt	90	Xuất sắc	
34	5	TC.NCC.K24.8	2456201310007	Hoàng Thị Chư	79	Khá	88	Tốt	84	Tốt	
35	6	TC.NCC.K24.8	2456201310008	Cư Thị Công	81	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
36	7	TC.NCC.K24.8	2456201310009	Ly Thị Dế	83	Tốt	89	Tốt	86	Tốt	
37	8	TC.NCC.K24.8	2456201310010	Ly Thị Di	82	Tốt	89	Tốt	86	Tốt	
38	9	TC.NCC.K24.8	2456201310011	Ngải Thị Diệu	84	Tốt	89	Tốt	87	Tốt	
39	10	TC.NCC.K24.8	2456201310012	Giàng Thị Dở	90	Xuất sắc	89	Tốt	90	Xuất sắc	
40	11	TC.NCC.K24.8	2456201310013	Thào Thị Dua	85	Tốt	89	Tốt	87	Tốt	
41	12	TC.NCC.K24.8	2456201310015	Sùng Thị Giáo	74	Khá	88	Tốt	81	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Năm học 2024-2025		Năm học 2025-2026		Kết quả rèn luyện toàn khoá học		Ghi chú
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
42	13	TC.NCC.K24.8	2456201310018	Thào A Hai	82	Tốt	88	Tốt	85	Tốt	
43	14	TC.NCC.K24.8	2456201310019	Giàng Văn Hồng	82	Tốt	88	Tốt	85	Tốt	
44	15	TC.NCC.K24.8	2456201310020	Vàng Seo Mềnh	75	Khá	88	Tốt	82	Tốt	
45	16	TC.NCC.K24.8	2456201310021	Ly Seo Min	76	Khá	88	Tốt	82	Tốt	
46	17	TC.NCC.K24.8	2456201310022	Vàng Seo Mùa	74	Khá	85	Tốt	80	Tốt	
47	18	TC.NCC.K24.8	2456201310023	Vàng Thị Mùa	79	Khá	88	Tốt	84	Tốt	
48	19	TC.NCC.K24.8	2456201310024	Lừu Thị Nga	91	Xuất sắc	95	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
49	20	TC.NCC.K24.8	2456201310025	Giàng Thị Ngân	84	Tốt	88	Tốt	86	Tốt	
50	21	TC.NCC.K24.8	2456201310027	Giàng Chúng Páo	73	Khá	88	Tốt	81	Tốt	
51	22	TC.NCC.K24.8	2456201310028	Hoàng Seo Quang	73	Khá	88	Tốt	81	Tốt	
52	23	TC.NCC.K24.8	2456201310029	Lừu Thị Sín	87	Tốt	95	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
53	24	TC.NCC.K24.8	2456201310030	Giàng Thị Sinh	76	Khá	85	Tốt	81	Tốt	
54	25	TC.NCC.K24.8	2455802010030	Lừu Seo Sếnh	81	Tốt	88	Tốt	85	Tốt	
55	26	TC.NCC.K24.8	2456201310032	Giàng Thị Sú	77	Khá	90	Xuất sắc	84	Tốt	
56	27	TC.NCC.K24.8	2456201310034	Lù Thị Tem	79	Khá	86	Tốt	83	Tốt	
57	28	TC.NCC.K24.8	2456201310035	Thèn Thị Tết	85	Tốt	95	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
58	29	TC.NCC.K24.8	2456201310037	Sùng Hạ Thiên	80	Tốt	88	Tốt	84	Tốt	
59	30	TC.NCC.K24.8	2456201310038	Vàng Phi Thường	72	Khá	88	Tốt	80	Tốt	
60	31	TC.NCC.K24.8	2456201310039	Cư Thị Thủy	84	Tốt	88	Tốt	86	Tốt	
61	32	TC.NCC.K24.8	2456201310040	Hảng Thị Trống	83	Tốt	88	Tốt	86	Tốt	
62	33	TC.NCC.K24.8	2456201310041	Ma Văn Tuấn	76	Khá	88	Tốt	82	Tốt	
63	34	TC.NCC.K24.8	2456201310042	Vàng Thị Xay	72	Khá	88	Tốt	80	Tốt	
64	35	TC.NCC.K24.8	2456201310043	Giàng Thị Xuân	74	Khá	88	Tốt	81	Tốt	
	Lớp Trung cấp Nông nghiệp công nghệ cao K24.4: 41 học sinh										
65	1	TC.NCC.K24.4	2456201310045	Sùng Seo Giống	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
66	2	TC.NCC.K24.4	2456201310046	Thào Thị Phương Lan	95	Xuất sắc	93	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
67	3	TC.NCC.K24.4	2456201310047	Giàng Seo Nguyên	92	Xuất sắc	91	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
68	4	TC.NCC.K24.4	2456201310048	Giàng Si Phương	95	Xuất sắc	93	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
69	5	TC.NCC.K24.4	2456201310049	Vàng Seo Sà	92	Xuất sắc	93	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
70	6	TC.NCC.K24.4	2456201310050	Giàng Seo Sánh	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
71	7	TC.NCC.K24.4	2456201310052	Lý Thị Tha	94	Xuất sắc	94	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
72	8	TC.NCC.K24.4	2456201310053	Giàng Văn Thành	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
73	9	TC.NCC.K24.4	2456201310054	Thào Khái Thịnh	93	Xuất sắc	93	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
74	10	TC.NCC.K24.4	2456201310055	Vù Xuân Trường	76	Khá	77	Khá	77	Khá	
75	11	TC.NCC.K24.4	2456201310056	Thào A Vảng	85	Tốt	81	Tốt	83	Tốt	
76	12	TC.NCC.K24.4	2456201310057	Hầu Seo Áo	90	Xuất sắc	85	Tốt	88	Tốt	
77	13	TC.NCC.K24.4	2456201310058	Giàng Seo Chơ	90	Xuất sắc	81	Tốt	86	Tốt	
78	14	TC.NCC.K24.4	2456201310059	Lâm Thị Chuyến	96	Xuất sắc	93	Xuất sắc	95	Xuất sắc	
79	15	TC.NCC.K24.4	2456201310063	Lý Thị Dín	92	Xuất sắc	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
80	16	TC.NCC.K24.4	2456201310065	Vàng Seo Dung	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
81	17	TC.NCC.K24.4	2456201310066	Vàng Seo Đông	90	Xuất sắc	87	Tốt	89	Tốt	
82	18	TC.NCC.K24.4	2456201310068	Hoàng Văn Hiếu	90	Xuất sắc	84	Tốt	87	Tốt	
83	19	TC.NCC.K24.4	2456201310070	Giàng Sào Hội	92	Xuất sắc	83	Tốt	88	Tốt	
84	20	TC.NCC.K24.4	2456201310071	Sần Xuân Khánh	85	Tốt	81	Tốt	83	Tốt	
85	21	TC.NCC.K24.4	2456201310072	Lý Thị Lan	92	Xuất sắc	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
86	22	TC.NCC.K24.4	2456201310073	Thào Minh Lử	91	Xuất sắc	89	Tốt	90	Xuất sắc	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Năm học 2024-2025		Năm học 2025-2026		Kết quả rèn luyện toàn khoá học		Ghi chú
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
87	23	TC.NCC.K24.4	2456201310075	Cư Văn Nam	90	Xuất sắc	87	Tốt	89	Tốt	
88	24	TC.NCC.K24.4	2456201310076	Thào Thị Nga	93	Xuất sắc	94	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
89	25	TC.NCC.K24.4	2456201310077	Giàng Văn Phong	95	Xuất sắc	87	Tốt	91	Xuất sắc	
90	26	TC.NCC.K24.4	2456201310079	Vàng Seo Sáng	76	Khá	77	Khá	77	Khá	
91	27	TC.NCC.K24.4	2456201310081	Sùng A Sơn	83	Tốt	92	Xuất sắc	88	Tốt	
92	28	TC.NCC.K24.4	2456201310083	Vàng Seo Thành	93	Xuất sắc	89	Tốt	91	Xuất sắc	
93	29	TC.NCC.K24.4	2456201310085	Giàng Seo Trùa	82	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
94	30	TC.NCC.K24.4	2456201310087	Vàng Anh Tuấn	83	Tốt	89	Tốt	86	Tốt	
95	31	TC.NCC.K24.4	2456201310088	Giàng Quang Vinh	91	Xuất sắc	93	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
96	32	TC.NCC.K24.4	2456201310090	Thào Thái Bình	93	Xuất sắc	85	Tốt	89	Tốt	
97	33	TC.NCC.K24.4	2456201310091	Vù Seo Chính	93	Xuất sắc	85	Tốt	89	Tốt	
98	34	TC.NCC.K24.4	2456201310092	Sùng Thị Hàng	92	Xuất sắc	88	Tốt	90	Xuất sắc	
99	35	TC.NCC.K24.4	2456201310093	Vù Seo Hiền	94	Xuất sắc	88	Tốt	91	Xuất sắc	
100	36	TC.NCC.K24.4	2456201310094	Giàng Thị Liên	87	Tốt	80	Tốt	84	Tốt	
101	37	TC.NCC.K24.4	2456201310095	Lý Thị Ly	86	Tốt	92	Xuất sắc	89	Tốt	
102	38	TC.NCC.K24.4	2456201310096	Vàng Văn Mạnh	93	Xuất sắc	90	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
103	39	TC.NCC.K24.4	2456201310097	Lý A Quang	90	Xuất sắc	88	Tốt	89	Tốt	
104	40	TC.NCC.K24.4	2456201310098	Giàng Seo Thầy	84	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
105	41	TC.NCC.K24.4	2456201310099	Vàng Seo Thiên	84	Tốt	78	Khá	81	Tốt	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K24.4: 33 học sinh										
106	1	TC.KXD.K24.4	2455802010116	Vù Seo Hành	83	Tốt	79	Khá	81	Tốt	
107	2	TC.KXD.K24.4	2455802010117	Vàng Văn Hoàng	83	Tốt	79	Khá	81	Tốt	
108	3	TC.KXD.K24.4	2455802010119	Ly Seo Long	85	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
109	4	TC.KXD.K24.4	2455802010120	Vù Văn Minh	89	Tốt	82	Tốt	86	Tốt	
110	5	TC.KXD.K24.4	2455802010121	Giàng Seo Phùng	88	Tốt	81	Tốt	85	Tốt	
111	6	TC.KXD.K24.4	2455802010124	Vàng Seo Vảng	83	Tốt	88	Tốt	86	Tốt	
112	7	TC.KXD.K24.4	2455802010126	Ly Văn Chiến	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
113	8	TC.KXD.K24.4	2455802010128	Giàng Thị Cở	87	Tốt	83	Tốt	85	Tốt	
114	9	TC.KXD.K24.4	2455802010130	Ma Seo Dông	84	Tốt	73	Khá	79	Khá	
115	10	TC.KXD.K24.4	2455802010131	Giàng Seo Hải	77	Khá	77	Khá	77	Khá	
116	11	TC.KXD.K24.4	2455802010132	Ly Hùng Hải	80	Tốt	78	Khá	79	Khá	
117	12	TC.KXD.K24.4	2455802010133	Vàng Thị Huyền	87	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
118	13	TC.KXD.K24.4	2455802010134	Thào Quốc Khánh	80	Tốt	79	Khá	80	Tốt	
119	14	TC.KXD.K24.4	2455802010135	Vàng Quốc Khánh	79	Khá	84	Tốt	82	Tốt	
120	15	TC.KXD.K24.4	2455802010138	Giàng A Nhè	88	Tốt	85	Tốt	87	Tốt	
121	16	TC.KXD.K24.4	2455802010139	Vàng Thị Nhung	88	Tốt	90	Xuất sắc	89	Tốt	
122	17	TC.KXD.K24.4	2455802010140	Lồ Seo Nô	75	Khá	80	Tốt	78	Khá	
123	18	TC.KXD.K24.4	2455802010143	Giàng Seo Phong	87	Tốt	81	Tốt	84	Tốt	
124	19	TC.KXD.K24.4	2455802010144	Giàng Seo Phong	82	Tốt	77	Khá	80	Tốt	
125	20	TC.KXD.K24.4	2455802010146	Giàng Seo Sà	84	Tốt	82	Tốt	83	Tốt	
126	21	TC.KXD.K24.4	2455802010147	Sùng Seo Sủ	74	Khá	70	Khá	72	Khá	
127	22	TC.KXD.K24.4	2455802010151	Sùng Văn Thực	76	Khá	84	Tốt	80	Tốt	
128	23	TC.KXD.K24.4	2455802010152	Ly Văn Tiến	90	Xuất sắc	84	Tốt	87	Tốt	
129	24	TC.KXD.K24.4	2455802010154	Cư Seo Vần	89	Tốt	78	Khá	84	Tốt	
130	25	TC.KXD.K24.4	2455802010155	Tráng Seo Chô	75	Khá	84	Tốt	80	Tốt	
131	26	TC.KXD.K24.4	2455802010156	Giàng Củi Thu Hà	88	Tốt	84	Tốt	86	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Năm học 2024-2025		Năm học 2025-2026		Kết quả rèn luyện toàn khoá học		Ghi chú
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
132	27	TC.KXD.K24.4	2455802010157	Thào Seo Hòa	79	Khá	81	Tốt	80	Tốt	
133	28	TC.KXD.K24.4	2455802010158	Vàng A Khánh	89	Tốt	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
134	29	TC.KXD.K24.4	2455802010159	Ma Seo Khóa	89	Tốt	85	Tốt	87	Tốt	
135	30	TC.KXD.K24.4	2455802010162	Hoàng Văn Thức	74	Khá	77	Khá	76	Khá	
136	31	TC.KXD.K24.4	2455802010163	Tráng A Tú	74	Khá	74	Khá	74	Khá	
137	32	TC.KXD.K24.4	2455802010164	Thào Thị Hồng Yến	88	Tốt	84	Tốt	86	Tốt	
138	33	TC.KXD.K24.4	2455802010166	Giàng Seo Phú	78	Khá	79	Khá	79	Khá	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K24.6A: 23 học sinh										
139	1	TC.KXD.K24.6A	2455802010041	Hoàng Kỳ Anh	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
140	2	TC.KXD.K24.6A	2455802010045	Ma Cồ Diu	77	Khá	78	Khá	78	Khá	
141	3	TC.KXD.K24.6A	2455802010048	Tráng Quán Dùng	75	Khá	77	Khá	76	Khá	
142	4	TC.KXD.K24.6A	2455802010049	Giàng Quáng Dùng	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
143	5	TC.KXD.K24.6A	2455802010050	Vàng Chẩn Duy	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
144	6	TC.KXD.K24.6A	2455802010052	Nghề Thùy Duyên	83	Tốt	82	Tốt	83	Tốt	
145	7	TC.KXD.K24.6A	2455802010054	Lù Thị Hành	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
146	8	TC.KXD.K24.6A	2455802010055	Vàng Đức Hiệp	70	Khá	75	Khá	73	Khá	
147	9	TC.KXD.K24.6A	2455802010057	Phan Minh Học	90	Xuất sắc	84	Tốt	87	Tốt	
148	10	TC.KXD.K24.6A	2455802010058	Giàng Sào Hương	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
149	11	TC.KXD.K24.6A	2455802010061	Lù Thị Tuyết Khoa	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
150	12	TC.KXD.K24.6A	2455802010062	Lù Thị Khơi	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
151	13	TC.KXD.K24.6A	2455802010063	Lù Hoàng Lập	82	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
152	14	TC.KXD.K24.6A	2455802010064	Phu Văn Liêm	88	Tốt	83	Tốt	86	Tốt	
153	15	TC.KXD.K24.6A	2455802010066	Hoàng Quang Minh	77	Khá	82	Tốt	80	Tốt	
154	16	TC.KXD.K24.6A	2455802010068	Tráng Thị Mỷ	81	Tốt	76	Khá	79	Khá	
155	17	TC.KXD.K24.6A	2455802010069	Lùng Tiến Nhân	88	Tốt	83	Tốt	86	Tốt	
156	18	TC.KXD.K24.6A	2455802010071	Ly Kiều Oanh	79	Khá	83	Tốt	81	Tốt	
157	19	TC.KXD.K24.6A	2455802010073	Ma Seo Phong	82	Tốt	90	Xuất sắc	86	Tốt	
158	20	TC.KXD.K24.6A	2455802010074	Giàng Seo Phử	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
159	21	TC.KXD.K24.6A	2455802010075	Giàng Seo Pin	88	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
160	22	TC.KXD.K24.6A	2455802010076	Thền Sử Quyết	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
161	23	TC.KXD.K24.6A	2455802010077	Ma Văn Quyết	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K24.6B: 20 học sinh										
162	1	TC.KXD.K24.6B	2455802010078	Sùng Văn Bình	79	Khá	80	Tốt	80	Tốt	
163	2	TC.KXD.K24.6B	2455802010079	Sì Xuân Hiếu	88	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
164	3	TC.KXD.K24.6B	2455802010081	Ly Xuân Nhà	90	Xuất sắc	82	Tốt	86	Tốt	
165	4	TC.KXD.K24.6B	2455802010083	Tráng Thín Phà	89	Tốt	83	Tốt	86	Tốt	
166	5	TC.KXD.K24.6B	2455802010084	Tráng Văn Quân	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
167	6	TC.KXD.K24.6B	2455802010085	Tráng Phủng Quyền	90	Xuất sắc	83	Tốt	87	Tốt	
168	7	TC.KXD.K24.6B	2455802010087	Sì Dương Quỳnh	88	Tốt	84	Tốt	86	Tốt	
169	8	TC.KXD.K24.6B	2455802010088	Tráng Seo Sài	90	Xuất sắc	80	Tốt	85	Tốt	
170	9	TC.KXD.K24.6B	2455802010089	Thào Văn Sèng	79	Khá	79	Khá	79	Khá	
171	10	TC.KXD.K24.6B	2455802010090	Cư A Sủ	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
172	11	TC.KXD.K24.6B	2455802010091	Cư Chẩn Sùng	90	Xuất sắc	88	Tốt	89	Tốt	
173	12	TC.KXD.K24.6B	2455802010094	Tráng Thị Thanh	90	Xuất sắc	89	Tốt	90	Xuất sắc	
174	13	TC.KXD.K24.6B	2455802010096	Sùng Duyên Thành	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
175	14	TC.KXD.K24.6B	2455802010098	Vàng Văn Thành	90	Xuất sắc	89	Tốt	90	Xuất sắc	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Năm học 2024-2025		Năm học 2025-2026		Kết quả rèn luyện toàn khoá học		Ghi chú
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
176	15	TC.KXD.K24.6B	2455802010099	Thào Thủy	78	Khá	82	Tốt	80	Tốt	
177	16	TC.KXD.K24.6B	2455802010100	Ly Văn Tiến	78	Khá	84	Tốt	81	Tốt	
178	17	TC.KXD.K24.6B	2455802010101	Sùng Thanh Toàn	89	Tốt	74	Khá	82	Tốt	
179	18	TC.KXD.K24.6B	2455802010103	Phàn Thị Huyền Trang	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
180	19	TC.KXD.K24.6B	2455802010104	Sùng A Tuấn	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
181	20	TC.KXD.K24.6B	2455802010105	Ly Thị Tươi	90	Xuất sắc	87	Tốt	89	Tốt	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K24.8: 28 học sinh										
182	1	TC.KXD.K24.8	2455802010002	Sùng Seo Áo	81	Tốt	71	Khá	76	Khá	
183	2	TC.KXD.K24.8	2455802010003	Cư Seo Chứ	90	Xuất sắc	73	Khá	82	Tốt	
184	3	TC.KXD.K24.8	2455802010005	Giàng Seo Dê	85	Tốt	71	Khá	78	Khá	
185	4	TC.KXD.K24.8	2455802010007	Lù Khái Dìn	88	Tốt	71	Khá	80	Tốt	
186	5	TC.KXD.K24.8	2455802010008	Ly A Đức	80	Tốt	62	Trung bình	71	Khá	
187	6	TC.KXD.K24.8	2455802010009	Cư Hà Giang	84	Tốt	74	Khá	79	Khá	
188	7	TC.KXD.K24.8	2455802010011	Cư Seo Hòa	90	Xuất sắc	73	Khá	82	Tốt	
189	8	TC.KXD.K24.8	2455802010012	Lùng Cồ Hướng	82	Tốt	62	Trung bình	72	Khá	
190	9	TC.KXD.K24.8	2455802010013	Vàng Seo Huy	81	Tốt	71	Khá	76	Khá	
191	10	TC.KXD.K24.8	2455802010016	Giàng Minh Ngọc	84	Tốt	75	Khá	80	Tốt	
192	11	TC.KXD.K24.8	2455802010018	Vàng Seo Nhà	91	Xuất sắc	71	Khá	81	Tốt	
193	12	TC.KXD.K24.8	2455802010019	Thào Xuân Nhật	93	Xuất sắc	91	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
194	13	TC.KXD.K24.8	2455802010020	Ly Vàng Páo	80	Tốt	66	Trung bình	73	Khá	
195	14	TC.KXD.K24.8	2455802010021	Giàng Seo Phấn	82	Tốt	70	Khá	76	Khá	
196	15	TC.KXD.K24.8	2455802010022	Hoàng Tiến Phong	82	Tốt	53	Trung bình	68	Trung bình	
197	16	TC.KXD.K24.8	2455802010023	Vàng A Phong	90	Xuất sắc	75	Khá	83	Tốt	
198	17	TC.KXD.K24.8	2455802010024	Giàng Seo Phong	88	Tốt	73	Khá	81	Tốt	
199	18	TC.KXD.K24.8	2455802010025	Giàng Seo Phống	88	Tốt	72	Khá	80	Tốt	
200	19	TC.KXD.K24.8	2455802010026	Thào Văn Phú	90	Xuất sắc	86	Tốt	88	Tốt	
201	20	TC.KXD.K24.8	2455802010028	Giàng Seo Quáng	84	Tốt	71	Khá	78	Khá	
202	21	TC.KXD.K24.8	2455802010029	Tráng Seo Say	84	Tốt	75	Khá	80	Tốt	
203	22	TC.KXD.K24.8	2455802010031	Ly Công Sểnh	86	Tốt	77	Khá	82	Tốt	
204	23	TC.KXD.K24.8	2455802010034	Thào Seo Sơn	83	Tốt	73	Khá	78	Khá	
205	24	TC.KXD.K24.8	2455802010035	Lèng Văn Tăng	81	Tốt	63	Trung bình	72	Khá	
206	25	TC.KXD.K24.8	2455802010036	Ly Seo Tếnh	78	Khá	71	Khá	75	Khá	
207	26	TC.KXD.K24.8	2455802010037	Ly Seo Tờ	88	Tốt	71	Khá	80	Tốt	
208	27	TC.KXD.K24.8	2455802010039	Ma Seo Tráng	78	Khá	72	Khá	75	Khá	
209	28	TC.KXD.K24.8	2455802010040	Giàng Seo Tuấn	79	Khá	72	Khá	76	Khá	
	Lớp Trung cấp Thú y K24.6: 13 học sinh										
210	1	TC.THY.K24.6	2456401010001	Vàng Chí Bình	89	Tốt	77	Khá	83	Tốt	
211	2	TC.THY.K24.6	2456401010004	Tráng Khái Chẩn	79	Khá	79	Khá	79	Khá	
212	3	TC.THY.K24.6	2456401010005	Ly Seo Châu	91	Xuất sắc	94	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
213	4	TC.THY.K24.6	2456401010006	Giàng Thị Chư	77	Khá	96	Xuất sắc	87	Tốt	
214	5	TC.THY.K24.6	2456401010008	Thào Thị Dương	90	Xuất sắc	98	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
215	6	TC.THY.K24.6	2456401010011	Sùng Thị Hoa	87	Tốt	76	Khá	82	Tốt	
216	7	TC.THY.K24.6	2456401010015	Hoàng Duy Lực	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
217	8	TC.THY.K24.6	2456401010016	Thào Khái Lương	85	Tốt	77	Khá	81	Tốt	
218	9	TC.THY.K24.6	2456401010018	Lý Duy Mạnh	75	Khá	80	Tốt	78	Khá	
219	10	TC.THY.K24.6	2456401010020	Lù Sửn Ơn	77	Khá	77	Khá	77	Khá	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Năm học 2024-2025		Năm học 2025-2026		Kết quả rèn luyện toàn khoá học		Ghi chú
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
220	11	TC.THY.K24.6	2456401010021	Tráng Thín Quang	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
221	12	TC.THY.K24.6	2456401010028	Sùng Văn Trường	87	Tốt	81	Tốt	84	Tốt	
222	13	TC.THY.K24.6	2456401010031	Thào Thị Dung Xoa	87	Tốt	79	Khá	83	Tốt	
	Lớp Trung cấp Điện nước K24.6: 19 học sinh										
223	1	TC.ĐNU.K24.6	2455802120001	Ma Hồng Chiến	90	Xuất sắc	95	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
224	2	TC.ĐNU.K24.6	2455802120002	Sùng Chí Cường	97	Xuất sắc	84	Tốt	91	Xuất sắc	
225	3	TC.ĐNU.K24.6	2455802120003	Vàng Xuân Cường	90	Xuất sắc	79	Khá	85	Tốt	
226	4	TC.ĐNU.K24.6	2455802120004	Thào Dín	76	Khá	96	Xuất sắc	86	Tốt	
227	5	TC.ĐNU.K24.6	2455802120006	Thào Thị Giang	78	Khá	72	Khá	75	Khá	
228	6	TC.ĐNU.K24.6	2455802120007	Tráng Seo Hảng	87	Tốt	75	Khá	81	Tốt	
229	7	TC.ĐNU.K24.6	2455802120008	Giàng Thị Hiên	75	Khá	83	Tốt	79	Khá	
230	8	TC.ĐNU.K24.6	2455802120009	Chấu Trung Hiếu	77	Khá	81	Tốt	79	Khá	
231	9	TC.ĐNU.K24.6	2455802120010	Hoàng Thu Hoài	86	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
232	10	TC.ĐNU.K24.6	2455802120011	Giàng Mạnh Hồng	87	Tốt	82	Tốt	85	Tốt	
233	11	TC.ĐNU.K24.6	2455802120013	Lùng Chung Lanh	77	Khá	85	Tốt	81	Tốt	
234	12	TC.ĐNU.K24.6	2455802120018	Pờ Tà Nguyệt	86	Tốt	81	Tốt	84	Tốt	
235	13	TC.ĐNU.K24.6	2455802120019	Chấu A Phìn	77	Khá	81	Tốt	79	Khá	
236	14	TC.ĐNU.K24.6	2455802120020	Giàng A Sài	83	Tốt	74	Khá	79	Khá	
237	15	TC.ĐNU.K24.6	2455802120022	Thào Văn Sơn	75	Khá	84	Tốt	80	Tốt	
238	16	TC.ĐNU.K24.6	2455802120023	Giàng Văn Thắng	88	Tốt	93	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
239	17	TC.ĐNU.K24.6	2455802120024	Giàng Thanh	87	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
240	18	TC.ĐNU.K24.6	2455802120025	Lồ Sào Thề	89	Tốt	95	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
241	19	TC.ĐNU.K24.6	2455802120028	Giàng Sào Tờ	76	Khá	77	Khá	77	Khá	
	Lớp Trung cấp Điện nước K24.8: 31 học sinh										
242	1	TC.ĐNU.K24.8	2455802120033	Ma Thanh Bình	86	Tốt	89	Tốt	88	Tốt	
243	2	TC.ĐNU.K24.8	2455802120034	Sùng Seo Cấu	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
244	3	TC.ĐNU.K24.8	2455802120035	Hoàng Thành Công	85	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
245	4	TC.ĐNU.K24.8	2455802120036	Ly Thành Công	89	Tốt	85	Tốt	87	Tốt	
246	5	TC.ĐNU.K24.8	2455802120038	Ma Thành Công	86	Tốt	95	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
247	6	TC.ĐNU.K24.8	2455802120039	Hoàng A Cử	85	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
248	7	TC.ĐNU.K24.8	2455802120040	Tráng A Dìn	91	Xuất sắc	84	Tốt	88	Tốt	
249	8	TC.ĐNU.K24.8	2455802120041	Lừu Hải Dương	81	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
250	9	TC.ĐNU.K24.8	2455802120043	Thào Văn Đông	86	Tốt	87	Tốt	87	Tốt	
251	10	TC.ĐNU.K24.8	2455802120044	Sùng Seo Giả	85	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
252	11	TC.ĐNU.K24.8	2455802120045	Giàng Minh Hà	87	Tốt	87	Tốt	87	Tốt	
253	12	TC.ĐNU.K24.8	2455802120046	Giàng Seo Hai	87	Tốt	86	Tốt	87	Tốt	
254	13	TC.ĐNU.K24.8	2455802120048	Giàng Thanh Long	91	Xuất sắc	86	Tốt	89	Tốt	
255	14	TC.ĐNU.K24.8	2455802120049	Lồ Lao Lùng	85	Tốt	84	Tốt	85	Tốt	
256	15	TC.ĐNU.K24.8	2455802120050	Vàng Văn Lương	90	Xuất sắc	87	Tốt	89	Tốt	
257	16	TC.ĐNU.K24.8	2455802120052	Lừu Seo Nhà	90	Xuất sắc	78	Khá	84	Tốt	
258	17	TC.ĐNU.K24.8	2455802120054	Vàng A Pao	90	Xuất sắc	83	Tốt	87	Tốt	
259	18	TC.ĐNU.K24.8	2455802120055	Ma Seo Páo	86	Tốt	84	Tốt	85	Tốt	
260	19	TC.ĐNU.K24.8	2455802120056	Thào Seo Phềnh	88	Tốt	84	Tốt	86	Tốt	
261	20	TC.ĐNU.K24.8	2455802120057	Giàng Đình Phong	88	Tốt	94	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
262	21	TC.ĐNU.K24.8	2455802120059	Vũ Đức Quân	86	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
263	22	TC.ĐNU.K24.8	2455802120060	Giàng Seo Quang	88	Tốt	85	Tốt	87	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Năm học 2024-2025		Năm học 2025-2026		Kết quả rèn luyện toàn khoá học		Ghi chú
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
264	23	TC.ĐNU.K24.8	2455802120061	Sùng A Quý	89	Tốt	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
265	24	TC.ĐNU.K24.8	2455802120062	Vùi Ngọc Quyết	87	Tốt	86	Tốt	87	Tốt	
266	25	TC.ĐNU.K24.8	2455802120063	Cư Văn Sơn	90	Xuất sắc	83	Tốt	87	Tốt	
267	26	TC.ĐNU.K24.8	2455802120064	Hảng A Thắng	90	Xuất sắc	95	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
268	27	TC.ĐNU.K24.8	2455802120068	Giàng Seo Tiến	87	Tốt	89	Tốt	88	Tốt	
269	28	TC.ĐNU.K24.8	2455802120069	Lù Đức Trường	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
270	29	TC.ĐNU.K24.8	2455802120071	Giàng Seo Viện	90	Xuất sắc	85	Tốt	88	Tốt	
271	30	TC.ĐNU.K24.8	2455802120073	Hoàng Ngọc Vinh	90	Xuất sắc	83	Tốt	87	Tốt	
272	31	TC.ĐNU.K24.8	2455802120074	Thào Quang Vinh	88	Tốt	86	Tốt	87	Tốt	
	Lớp Trung cấp Kế toán doanh nghiệp K24.6B: 21 học sinh										
273	1	TC.KDN.K24.6B	2453403020091	Sùng Seo Dũng	76	Khá	82	Tốt	79	Khá	
274	2	TC.KDN.K24.6B	2453403020092	Chấu Minh Huy	84	Tốt	77	Khá	81	Tốt	
275	3	TC.KDN.K24.6B	2453403020093	Vàng Dung Lâm	88	Tốt	85	Tốt	87	Tốt	
276	4	TC.KDN.K24.6B	2453403020094	Tải Chử Luân	77	Khá	87	Tốt	82	Tốt	
277	5	TC.KDN.K24.6B	2453403020101	Sủng Văn Trung	76	Khá	91	Xuất sắc	84	Tốt	
278	6	TC.KDN.K24.6B	2453403020102	Giàng Ngọc Trường	85	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
279	7	TC.KDN.K24.6B	2453403020104	Pờ Mìn Bảo	55	Trung bình	73	Khá	64	Trung bình	
280	8	TC.KDN.K24.6B	2453403020107	Thào Seo Cường	74	Khá	85	Tốt	80	Tốt	
281	9	TC.KDN.K24.6B	2453403020108	Hảng Hồ DÍn	66	Trung bình	82	Tốt	74	Khá	
282	10	TC.KDN.K24.6B	2453403020109	Sùng Văn Hòa	83	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
283	11	TC.KDN.K24.6B	2453403020110	Lù Văn Mạnh	74	Khá	78	Khá	76	Khá	
284	12	TC.KDN.K24.6B	2453403020111	Hoàng Chí Phong	65	Trung bình	73	Khá	69	Trung bình	
285	13	TC.KDN.K24.6B	2453403020112	Sùng A Quăng	79	Khá	74	Khá	77	Khá	
286	14	TC.KDN.K24.6B	2453403020114	Ly Seo Sàng	77	Khá	83	Tốt	80	Tốt	
287	15	TC.KDN.K24.6B	2453403020115	Ngải Văn Tấn	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
288	16	TC.KDN.K24.6B	2453403020116	Ma Trung Thắng	51	Trung bình	91	Xuất sắc	71	Khá	
289	17	TC.KDN.K24.6B	2453403020117	Lồ Thị Ngọc Thu	77	Khá	80	Tốt	79	Khá	
290	18	TC.KDN.K24.6B	2453403020118	Vàng Quang Trung	79	Khá	86	Tốt	83	Tốt	
291	19	TC.KDN.K24.6B	2453403020122	Giàng Lê Hoa	89	Tốt	86	Tốt	88	Tốt	
292	20	TC.KDN.K24.6B	2453403020125	Ma Văn Tuấn	95	Xuất sắc	90	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
293	21	TC.KDN.K24.6B	2453403020126	Giàng Thị Vân	88	Tốt	92	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
	Lớp Trung cấp Công nghệ ô tô K24.5A: 19 học sinh										
294	1	TC.COT.K24.5A	2455102160001	Nguyễn Văn Bân	86	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
295	2	TC.COT.K24.5A	2455102160005	Lý Láo Ú Dồng	82	Tốt	86	Tốt	84	Tốt	
296	3	TC.COT.K24.5A	2455102160006	Làng Hậu Giang	83	Tốt	77	Khá	80	Tốt	
297	4	TC.COT.K24.5A	2455102160008	Chảo Ồng Khé	87	Tốt	83	Tốt	85	Tốt	
298	5	TC.COT.K24.5A	2455102160009	Đặng Văn Lai	90	Xuất sắc	92	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
299	6	TC.COT.K24.5A	2455102160010	Trần Anh Lâm	83	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
300	7	TC.COT.K24.5A	2455102160011	Ly Văn Lìn	83	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
301	8	TC.COT.K24.5A	2455102160012	Lỳ Quốc Mạnh	85	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
302	9	TC.COT.K24.5A	2455102160013	Thào A Mạnh	88	Tốt	78	Khá	83	Tốt	
303	10	TC.COT.K24.5A	2455102160014	Đặng Văn Mạnh	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
304	11	TC.COT.K24.5A	2455102160016	Nguyễn Minh Nhật	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
305	12	TC.COT.K24.5A	2455102160017	Lù Văn Quân	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
306	13	TC.COT.K24.5A	2455102160018	Châu A Sinh	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
307	14	TC.COT.K24.5A	2455102160019	Thào Seo Thành	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Năm học 2024-2025		Năm học 2025-2026		Kết quả rèn luyện toàn khoá học		Ghi chú
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
308	15	TC.COT.K24.5A	2455102160021	Lý Văn Trương	84	Tốt	82	Tốt	83	Tốt	
309	16	TC.COT.K24.5A	2455102160022	Hoàng Anh Tuấn	83	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
310	17	TC.COT.K24.5A	2455102160023	Hoàng Trí Vĩ	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
311	18	TC.COT.K24.5A	2455102160024	Hoàng Thế Vinh	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
312	19	TC.COT.K24.5A	2455102160025	Đặng Quốc Vương	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
	Lớp Trung cấp Công nghệ ô tô K24.5B: 16 học sinh										
313	1	TC.COT.K24.5B	2455102160027	Giàng A Dơ	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
314	2	TC.COT.K24.5B	2455102160028	Hoàng Thành Đạt	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
315	3	TC.COT.K24.5B	2455102160029	Nguyễn Tiến Đạt	85	Tốt	84	Tốt	85	Tốt	
316	4	TC.COT.K24.5B	2455102160031	Nguyễn Huy Hoàng	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
317	5	TC.COT.K24.5B	2455102160032	Hứa Việt Hoàng	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
318	6	TC.COT.K24.5B	2455102160033	Vàng Phi Hùng	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
319	7	TC.COT.K24.5B	2455102160034	Hà Duy Khương	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
320	8	TC.COT.K24.5B	2455102160035	Nguyễn Đại Trung Nguyên	89	Tốt	87	Tốt	88	Tốt	
321	9	TC.COT.K24.5B	2455102160036	Lý Sành Nhàn	80	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
322	10	TC.COT.K24.5B	2455102160040	Tẩn Kim Phủng	88	Tốt	87	Tốt	88	Tốt	
323	11	TC.COT.K24.5B	2455102160042	Triệu Minh Quân	82	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
324	12	TC.COT.K24.5B	2455102160045	Tẩn Lở Tá	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
325	13	TC.COT.K24.5B	2455102160046	Chảo Láo Tả	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
326	14	TC.COT.K24.5B	2455102160048	Cổ Minh Thanh	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
327	15	TC.COT.K24.5B	2455102160049	Lù Đức Thành	83	Tốt	82	Tốt	83	Tốt	
328	16	TC.COT.K24.5B	2455102160050	Lồ Văn Tiến	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
	Lớp Trung cấp Hàn K24.5: 11 học sinh										
329	1	TC.HAN.K24.5	2455201230004	Vì Văn Đức	77	Khá	83	Tốt	80	Tốt	
330	2	TC.HAN.K24.5	2455201230006	La Hồng Kỳ	65	Trung bình	80	Tốt	73	Khá	
331	3	TC.HAN.K24.5	2455201230007	Đinh Tiến Lợi	65	Trung bình	85	Tốt	75	Khá	
332	4	TC.HAN.K24.5	2455201230008	Triệu Văn Long	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
333	5	TC.HAN.K24.5	2455201230009	Đào Hải Nam	65	Trung bình	82	Tốt	74	Khá	
334	6	TC.HAN.K24.5	2455201230010	Hoàng Minh Nhẫn	85	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
335	7	TC.HAN.K24.5	2455201230011	Hoàng Ồng Sính	75	Khá	88	Tốt	82	Tốt	
336	8	TC.HAN.K24.5	2455201230012	Lục Minh Tiến	76	Khá	84	Tốt	80	Tốt	
337	9	TC.HAN.K24.5	2455201230001	Nguyễn Đình Bắc	70	Khá	83	Tốt	77	Khá	
338	10	TC.HAN.K24.5	2455201230002	Vũ Tiến Dũng	70	Khá	85	Tốt	78	Khá	
339	11	TC.HAN.K24.5	2455201230003	Triệu Anh Dũng	65	Trung bình	80	Tốt	73	Khá	

Tổng số: 339 SV/14 lớp, trong đó:

Kết quả xếp loại toàn khoá học

- Xuất sắc: 47/ 339 = 13.86 %
- Tốt: 234/ 339 = 69.04 %
- Khá: 55/ 339 = 16.22 %
- Trung bình: 3/ 339 = 0.88 %
- Yếu: 0/ 339 = 0 %